

SỞ Y TẾ TUYÊN QUANG  
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC HÀM YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 219/TM-TTYT

Hàm Yên, ngày 03 tháng 11 năm 2025

V/v mời chào giá gói thầu mua sắm  
máy xét nghiệm năm 2025 cho Trung tâm y tế  
khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang

**Kính gửi:** Các nhà cung cấp thiết bị y tế tại Việt Nam

Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà cung cấp mua sắm gói thầu mua sắm máy xét nghiệm năm 2025 cho Trung tâm y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang để phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang với danh mục thiết bị y tế cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:**

**1. Đơn vị yêu cầu báo giá:** Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang.

- Địa chỉ: số 952 thôn Tân Bình, xã Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang

**2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:** Dương Văn Trọng, Nhân viên khoa Dược-Trang thiết bị- Vật tư y tế, SĐT: 0914778480, Email: duongminhtrong@gmail.com

**3. Cách thức tiếp nhận báo giá:**

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: khoa Dược -Trang thiết bị- Vật tư y tế - Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang.

**4. Thành phần hồ sơ:**

4.1 Bản cứng có dấu đỏ: Gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp tại đơn vị

4.2 Bản mềm bao gồm

+ File Scan của bản cứng

+ File Exel hoặc File Word bản mềm (Phục vụ tổng hợp)

**5. Thời hạn tiếp nhận báo giá:** 10 ngày, kể từ ngày đăng tải hồ sơ lên cổng: <https://muasamcong.mpi.gov.vn> (từ ngày 03/11/2025 đến 17 giờ ngày 13/11/2025).

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

**6. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:** Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày ban hành báo giá.

Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang với nội dung cụ thể như sau:

## II. Nội dung yêu cầu báo giá:

### 1. Danh mục thiết bị y tế:

| STT | Danh mục                         | Mô tả yêu cầu, tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan                                     | Số lượng | Đơn vị tính |
|-----|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-------------|
| 1   | Máy xét nghiệm miễn dịch tự động | Mô tả cụ thể tại <b>Phụ lục 02</b> bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế | 1        | Hệ thống    |
| 2   | Máy xét nghiệm đông máu tự động  |                                                                                                            | 1        | Hệ thống    |
| 3   | Máy xét nghiệm HbA1c tự động     |                                                                                                            | 1        | Máy         |

2. Địa điểm cung cấp tại Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 06 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Các thông tin khác:

(Đính kèm theo Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế; các yêu cầu về địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế; thời gian giao hàng dự kiến, Hợp đồng tương tự và các thông tin liên quan khác).

#### Lưu ý:

1. Nhà cung cấp, hãng sản xuất có thể chào giá một hoặc nhiều mặt hàng.  
2. Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang xem xét không tổng hợp báo giá trong các trường hợp sau:

- Không có đủ thành phần hồ sơ (Bản cứng + bản mềm) hoặc báo giá được ký bởi người không có thẩm quyền;
- Không cung cấp tài liệu chứng minh thông số kỹ thuật;
- Không có thông tin rõ ràng như địa chỉ, số điện thoại.

Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang xin trân trọng thông báo./.

#### Nơi nhận:

- Như kính gửi; (để chào giá)
- Mạng đấu thầu quốc gia để đăng tải
- Phòng KHNVT để đăng Website Trung tâm y tế
- Lưu VT-TTYT

**GIÁM ĐỐC**



**Phòng Duy Bảo**



**PHỤ LỤC 01**  
**CÁC YÊU CẦU CHUNG VỀ LẬP BÁO GIÁ**

(Kèm theo công văn số 219/TM-TTYT ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Trung tâm y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang)

| STT | Thông tin                                                                                                                                                                     | Chỉ tiêu                                                       | Đánh giá đáp ứng kỹ thuật của báo giá |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| 1   | Công ty phải lập bảng đáp ứng tính năng chi tiết của hàng hoá do Công ty chào so với yêu cầu của Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang như Mẫu tại <b>Mẫu số 01</b> | Có bảng đáp ứng với đầy đủ thông tin yêu cầu                   | Đáp ứng                               |
|     |                                                                                                                                                                               | Không có bảng đáp ứng hoặc bảng đáp ứng không đầy đủ thông tin | Không đáp ứng                         |

- Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang đánh giá mức độ đáp ứng kỹ thuật của hàng hóa công ty chào dự trên cơ sở Bảng kê khai thông số kỹ thuật - **do công ty tự kê khai** - tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung do công ty tự kê khai. Trường hợp cần thiết Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang sẽ yêu cầu làm rõ, công ty phải cung cấp tài liệu để chứng minh.

- Yêu cầu kỹ thuật nêu trong **Phụ lục 02** là các thông số yêu cầu tham khảo cơ bản để Bệnh viện xây dựng dự toán mua sắm. Công ty có thể chào loại hàng hóa tương đương hoặc tốt hơn.

- Trường hợp hàng hóa công ty chào không đáp ứng đầy đủ các thông số yêu cầu. Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang đề nghị công ty vẫn thực hiện chào giá và ghi chú rõ các tiêu chí không đáp ứng. Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang sẽ xem xét tổng thể các yếu tố tiêu chí kỹ thuật, giá chào của công ty. Nếu (các) yếu tố không đáp ứng không ảnh hưởng nhiều đến tính năng, công dụng của hàng hóa, Bệnh viện sẽ chấp thuận báo giá của công ty và điều chỉnh tiêu chí kỹ thuật yêu cầu tương ứng để phù hợp với thực tế hàng hóa trên thị trường những vẫn đảm bảo yêu cầu chuyên môn và hiệu quả điều trị cho bệnh nhân.

- Công ty cung cấp kèm theo Báo giá (các) kết quả thầu **gần nhất** trong 12 tháng (nếu có) của (các) trang thiết bị y tế tương tự đã chào giá cho Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang.

Trường hợp công ty có nhiều thiết bị, nhiều model cùng đáp ứng với nhiều mức giá khác nhau thì công ty làm cho mỗi thiết bị, mỗi model một đáp ứng kỹ thuật, báo giá mỗi model riêng biệt.

- Với thiết bị có phụ kiện, linh kiện, dịch vụ kỹ thuật cần thiết để hoàn thành lắp đặt dựa vào sử dụng nhưng trong yêu cầu kỹ thuật chưa có, công ty có thể chào thêm ở phần tùy chọn, số lượng cụ thể.

. Với thiết bị có phụ kiện, linh kiện (tiêu hao hoặc định kỳ thay thế); gói dịch vụ kỹ thuật để duy trì hoạt động thường xuyên trong thời gian khấu hao máy theo quy định. Công ty chào Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang tham khảo.



**Mẫu số 01. Bảng đáp ứng kỹ thuật**  
(Kèm theo công văn số **219**/TM-TTYYT ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Trung tâm y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang)

**BẢNG ĐÁP ỨNG KỸ THUẬT HÀNG HÓA CHÀO GIÁ**

| <b>Yêu cầu mời chào giá<br/>(Chi tiết tại Phụ lục<br/>02)</b> | <b>Thông số kỹ thuật chào giá</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>Tham chiếu</b>                                                                            |
|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| .....                                                         | Đáp ứng/<br>Không đáp<br>ứng      | <p>-Nếu đáp ứng: Nêu chính xác thông số có trong tài liệu kỹ thuật của hàng hóa</p> <p>-Nếu không đáp ứng: Nêu rõ thông số có trong tài liệu kỹ thuật của hàng hoá trong kèm theo thuyết minh/lý giải</p> <p>-Trường hợp có công nghệ/giải pháp kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu chuyên môn đề nghị thuyết minh cụ thể. Thể hiện chất lượng tốt hơn thì liệt kê kèm theo (các) tài liệu chứng minh.</p> | Nhà thầu tham chiếu, chứng minh tính năng đáp ứng tại catalog (Ghi rõ trang hoặc đoạn mô tả) |

Mẫu số: 02

**BÁO GIÁ<sup>(1)</sup>**

**Kính gửi: .....Ghi rõ tên chủ đầu tư yêu cầu báo giá**

Kính gửi: Trung tâm Y tế khu vực Hàm Yên tỉnh Tuyên Quang

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của. *[ghi rõ tên của chủ đầu tư yêu cầu báo giá]* chúng tôi....*[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

**1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan**

| TT | Danh mục thiết bị y tế <sup>(2)</sup> | Ký, mã nhân hiệu, Model, hãng sản xuất <sup>(3)</sup> | Mã HS <sup>(4)</sup> | Năm sản xuất <sup>(5)</sup> | Xuất xứ <sup>(6)</sup> | Số lượng/Khối lượng <sup>(7)</sup> | Đơn giá <sup>(8)</sup> (VNĐ) | Chi phí cho các dịch vụ liên quan <sup>(9)</sup> (VNĐ) | Thuế, phí, lệ phí (nếu có) <sup>(10)</sup> (VNĐ) | Thành tiền <sup>(11)</sup> (VNĐ) |
|----|---------------------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------|
| 1  | Thiết bị A                            |                                                       |                      |                             |                        |                                    |                              |                                                        |                                                  |                                  |
| 2  | Thiết bị B                            |                                                       |                      |                             |                        |                                    |                              |                                                        |                                                  |                                  |

*(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)*

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 150 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm ... *[ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá]*.

**3. Chúng tôi cam kết:**

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

*Hàm Yên, ngày.... tháng....năm 2025*

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp<sup>(12)</sup>**

*(Ký tên, đóng dấu (nếu có))*

### Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú <sup>(12)</sup>.
- (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.
- Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
- (13) Đơn vị điền đơn giá trúng thầu gần nhất trong vòng 12 tháng (nếu có) của trang thiết bị tương tự chào cho Trung tâm y tế.
- (14) Đơn vị điền các loại văn bản; số văn bản, ngày văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của các cơ sở y tế ban hành văn bản.





## PHỤ LỤC 02

**Bảng mô tả các tính năng, yêu cầu kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế**  
(Kèm theo công văn số 219/TM-TTĐT ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Trung tâm y tế khu vực Hâm Y tế Tuyền Quang)

| Model, cấu hình, tính năng, thông số kỹ thuật dự kiến                                                                             | Đơn vị   | Số lượng |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|
| <b>1. Máy xét nghiệm miễn dịch tự động</b>                                                                                        | Hệ thống | 1        |
| <b>YÊU CẦU CHUNG</b>                                                                                                              |          |          |
| Năm sản xuất: năm 2025 trở về sau, mới 100%                                                                                       |          |          |
| Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001, CE hoặc FDA hoặc tương đương.                                                |          |          |
| Nguồn điện cung cấp: 220 V, 50Hz                                                                                                  |          |          |
| Yêu cầu môi trường hoạt động của thiết bị:                                                                                        |          |          |
| + Nhiệt độ tối đa $\geq 30$ độ C                                                                                                  |          |          |
| + Độ ẩm tối đa $\geq 80\%$                                                                                                        |          |          |
| Xuất xứ thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ: G20                                                                                       |          |          |
| <b>Cấu hình gồm:</b>                                                                                                              |          |          |
| 01 Hệ thống máy chính.                                                                                                            |          |          |
| 01 Bộ kim hút mẫu và hoá chất                                                                                                     |          |          |
| 01 Khay hoá chất 15 vị trí có hệ thống làm lạnh                                                                                   |          |          |
| 01 Khay đặt mẫu có sức chứa lớn với 50 vị trí.                                                                                    |          |          |
| 01 Bộ đọc mã vạch thuốc thử và vật tư tiêu hao                                                                                    |          |          |
| 01 Bộ phụ kiện tiêu chuẩn.                                                                                                        |          |          |
| 01 Bộ máy vi tính để bàn + máy in                                                                                                 |          |          |
| 01 Bộ lưu điện 3kw                                                                                                                |          |          |
| 01 Hướng dẫn sử dụng                                                                                                              |          |          |
| <b>Đặc tính kỹ thuật:</b>                                                                                                         |          |          |
| • <b>Máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang tự động</b>                                                                          |          |          |
| Máy xét nghiệm miễn dịch hóa phát quang tự động với công suất lên tới 180 xét nghiệm/giờ.                                         |          |          |
| - Khả năng tách từ chính xác với độ tin cậy ổn định.                                                                              |          |          |
| - Thiết bị sẽ tách riêng các chất thải lỏng và chất thải rắn, từ đó, góp phần bảo vệ môi trường.                                  |          |          |
| - Công nghệ lau rửa kim cho phép tăng cường hiệu quả và làm giảm nguy cơ nhiễm chéo.                                              |          |          |
| - Người sử dụng có thể nạp hóa chất và các loại vật tư tiêu hao liên tục.                                                         |          |          |
| - Việc bảo dưỡng đơn giản, làm giảm khối lượng công việc.                                                                         |          |          |
| - Quản lý vật tư tiêu hao thông minh.                                                                                             |          |          |
| - Giao diện phần mềm trực quan, dễ dàng truy cập mọi tính năng.                                                                   |          |          |
| - Chỉ cần nhấn một nút để chạy mẫu, vận hành vô cùng dễ dàng.                                                                     |          |          |
| • <b>Danh mục xét nghiệm:</b>                                                                                                     |          |          |
| Tuyến giáp: FT3, FT4, T3, T4, TSH, Anti-TG, Anti-TPO, TG, rT3, TRAB                                                               |          |          |
| Sinh sản: Total Beta-HCG, FSH, LH, PRL, E2, E3, TESTO, PROG, Free Testosterone, 17-OH PROG, SHBG, AMH                             |          |          |
| Dấu ấn ung thư: CEA, AFP, CA125, CA15-3, CA19-9, FPSA, TPSA, NSE, CYFRA 21-1, CA72-4, PG I, PG II, SCCA, HE4, ProGRP, CA50, CA242 |          |          |
| Bệnh truyền nhiễm: HBsAg, Anti-HBs, HBeAg, Anti-HBe, Anti-HBc, HIV Combo, Anti-HCV, Anti-TP, Định lượng HbeAg, Anti-HBc, IgM      |          |          |
| Xương: PTH, Calcitonin, Vitamin D toàn phần, Metaboli                                                                             |          |          |



|                                                                                                                                            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tiêu đường: Insulin, C-peptide                                                                                                             |
| Thiếu máu: Vitamin B12, Ferritin, Folate, RBC Folate                                                                                       |
| Chẩn đoán trước sinh: PAPP-A, Free Beta-HCG                                                                                                |
| Tăng huyết áp: Angiotension I, Angiotension II, Renin, Aldosterone                                                                         |
| Xơ gan: LN, HA, PIIINP, CIV                                                                                                                |
| Hormone tăng trưởng: hGH, IGF-1                                                                                                            |
| Chẩn đoán nhiễm khuẩn: PCT                                                                                                                 |
| Bệnh truyền từ mẹ sang con: Toxo IgG, Toxo IgM, Rubella IgG, Rubella IgM, CMV IgG, CMV IgM, HSV-1/2 IgG, HSV-1/2 IgM, HSV-1 IgG, HSV-2 IgG |
| Tim mạch: CK-MB, Myoglobin, Troponin I, BNP                                                                                                |
| Tuyến thượng thận: DHEA-S, Cortisol, ACTH                                                                                                  |
| <b>· Thông số:</b>                                                                                                                         |
| * Công suất: 180 xét nghiệm/giờ                                                                                                            |
| *Nguyên tắc đo: Nền tảng vi hạt siêu thuận từ được gắn nhãn ALP và chất nền AMPPD.                                                         |
| * Hệ thống mẫu                                                                                                                             |
| - Bộ nạp mẫu: Nạp mẫu vào và lấy mẫu ra liên tục.                                                                                          |
| - Vị trí mẫu: 50.                                                                                                                          |
| - Kim hút mẫu: Kim thép, cảm biến đo mực chất lỏng, cảm biến cực đông, chống va chạm song song và thẳng đứng.                              |
| - Thể tích mẫu: 10µl~200µl, mỗi lần hút thêm 1µl.                                                                                          |
| - Pha loãng mẫu: Tự động pha loãng 1:2 ~ 1:40.                                                                                             |
| * Khay hóa chất                                                                                                                            |
| - Đĩa hóa chất: 15 vị trí hóa chất, nạp liên tục, bộ trộn vi hạt từ toàn thời gian.                                                        |
| - Hệ thống làm lạnh: 2°C~8°C                                                                                                               |
| - Quy cách đóng gói: 50 hoặc 100 xét nghiệm/ hộp.                                                                                          |
| - Quét mã: Máy quét mã vạch ngoài/tích hợp.                                                                                                |
| - Kim hóa chất: Kim thép, cảm biến đo mực chất lỏng, cảm biến cực đông, chống va chạm song song và đọc.                                    |
| - Thể tích hóa chất: 10µl~200µl, mỗi lần hút thêm 1µl.                                                                                     |
| * Hệ thống chất nền                                                                                                                        |
| - Lọ chất nền: 300/500 xét nghiệm mỗi lọ, kim đâm xuyên đáy.                                                                               |
| - Nạp chất nền: Có thể nạp liên tục khi máy đang chạy xét nghiệm.                                                                          |
| - Ủ chất nền: ủ liên tục.                                                                                                                  |
| - Thể tích hút: 200µl.                                                                                                                     |
| * Bộ phận tách từ                                                                                                                          |
| - Nguyên lý: Bộ tách từ 3 pha.                                                                                                             |
| - Nhiệt độ: Độ chính xác: 37±0.3°C.                                                                                                        |
| * Hệ thống phản ứng                                                                                                                        |
| - Chế độ cảm biến: Đếm lượng tử.                                                                                                           |
| - Cảm biến tín hiệu: Ống nhân quang (PMT) đếm lượng tử.                                                                                    |
| - Hiệu chuẩn PMT: Mô-đun tham chiếu LED                                                                                                    |
| - Vị trí ủ: 82.                                                                                                                            |
| - Nhiệt độ: Độ chính xác: 37±0.3°C.                                                                                                        |
| - Bộ phận khuấy: Trộn xoáy không tiếp xúc                                                                                                  |
| * Nạp cuvet và Thu gom chất thải:                                                                                                          |
| - Cuvet: Cuvet nhựa sử dụng một lần.                                                                                                       |
| - Nạp Cuvet: 88 cuvet mỗi khay, 2 khay có thể nạp cùng lúc, nạp vào và lấy ra liên tục.                                                    |

|                                                                                                |          |   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|---|
| - Thu gom chất thải: Hộp đựng chất thải, 200 cuvet mỗi hộp.                                    |          |   |
| - Nguồn điện đầu vào: 5000VA.                                                                  |          |   |
| <b>Yêu cầu khác</b>                                                                            |          |   |
| Có tài liệu hướng dẫn và sử dụng (tiếng Anh và tiếng Việt)                                     |          |   |
| Có giấy chứng nhận CO;CQ; giấy nhập khẩu; giấy lưu hành và các giấy tờ khác liên quan kèm theo |          |   |
| Có kỹ sư lắp đặt và hướng dẫn vận hành sử dụng thiết bị khi bàn giao và đưa vào sử dụng        |          |   |
| <b>2. Máy xét nghiệm đông máu tự động</b>                                                      | Hệ thống | 1 |
| <b>YÊU CẦU CHUNG</b>                                                                           |          |   |
| Năm sản xuất: năm 2025 trở về sau, mới 100%                                                    |          |   |
| Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001, CE hoặc FDA hoặc tương đương.             |          |   |
| Nguồn điện cung cấp: 220 V, 50Hz                                                               |          |   |
| Yêu cầu môi trường hoạt động của thiết bị:                                                     |          |   |
| + Nhiệt độ tối đa $\geq 30$ độ C                                                               |          |   |
| + Độ ẩm tối đa $\geq 80\%$                                                                     |          |   |
| Xuất xứ thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ: EU + G7                                                |          |   |
| <b>Cấu hình gồm:</b>                                                                           |          |   |
| 01 Máy chính                                                                                   |          |   |
| 01 Bút cảm ứng                                                                                 |          |   |
| 01 Dây nguồn                                                                                   |          |   |
| 01 Bộ bình nước sạch kèm cảm biến và màng lọc                                                  |          |   |
| 01 Bộ bình nước thải kèm cảm biến                                                              |          |   |
| 01 Xylanh 250 $\mu$ L (tích hợp sẵn)                                                           |          |   |
| 10 vòng cuvet                                                                                  |          |   |
| 11 Cốc mẫu 4ml                                                                                 |          |   |
| 5 Lọ hóa chất nhựa 5ml                                                                         |          |   |
| 01 Dung dịch rửa lọ                                                                            |          |   |
| 01 Dung dịch làm sạch lọ                                                                       |          |   |
| 03 Vòng giảm kích cỡ cho lọ hóa chất 5ml                                                       |          |   |
| 01 USB                                                                                         |          |   |
| 03 Thanh khuấy từ teflon                                                                       |          |   |
| 02 Cầu chì                                                                                     |          |   |
| 01 Ổ điện an toàn                                                                              |          |   |
| 01 Adapter chuyển đổi EU-USA                                                                   |          |   |
| 01 Adapter chuyển đổi EU-UK                                                                    |          |   |
| 01 UPS                                                                                         |          |   |
| 01 Khay mẫu (tích hợp sẵn)                                                                     |          |   |
| 01 Khay hóa chất                                                                               |          |   |
| 01 Bộ máy vi tính để bàn + máy in                                                              |          |   |
| 01 Bộ lưu điện 2kw                                                                             |          |   |
| 01 sách hướng dẫn sử dụng                                                                      |          |   |
| <b>Đặc tính kỹ thuật:</b>                                                                      |          |   |
| * Hiệu năng cao                                                                                |          |   |
| - Tối ưu thời gian rửa tay, tùy ý truy cập trong suốt thời gian vận hành                       |          |   |
| - Sử dụng tiết kiệm, chỉ cần một lượng nhỏ nước rửa                                            |          |   |
| - Linh hoạt, có thể chạy các xét nghiệm đo cục đông, miễn dịch và sinh màu                     |          |   |
| * Vận hành độc lập                                                                             |          |   |
| - Tự động hiệu chuẩn, pha loãng, chạy lại                                                      |          |   |

|                                                                                                       |     |   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---|
| - Pipet hút hóa chất và mẫu được làm nóng cho công suất cao hơn                                       |     |   |
| - Cảm biến mức hóa chất                                                                               |     |   |
| * Tiết kiệm chi phí                                                                                   |     |   |
| - Chỉ cần 1 cuvet mỗi phản ứng                                                                        |     |   |
| - Ít tiêu thụ nước rửa                                                                                |     |   |
| - Chỉ 3 loại vật tư tiêu hao: cuvet, nước rửa và nước hệ thống                                        |     |   |
| * Đáng tin cậy                                                                                        |     |   |
| - Khả năng cảm biến mức mẫu giúp giảm nguy cơ nhiễm chéo                                              |     |   |
| - Tích hợp sẵn máy đọc mã vạch                                                                        |     |   |
| - Công nghệ thẻ thông minh đảm bảo kết quả đáng tin cậy với vật tư và hóa chất HUMAN đã được xác nhận |     |   |
| * Giao diện trực quan                                                                                 |     |   |
| - Màn hình hợp lý cho phép thao tác nhanh hơn                                                         |     |   |
| - Hỗ trợ đa ngôn ngữ                                                                                  |     |   |
| - Thời gian huấn luyện tối thiểu                                                                      |     |   |
| * Kích thước nhỏ gọn                                                                                  |     |   |
| - Chỉ 83 x 61 x 46cm                                                                                  |     |   |
| <b>Thông số kĩ thuật</b>                                                                              |     |   |
| - Công suất chạy PT: Lên đến 100 test/giờ                                                             |     |   |
| - Công suất chạy đa xét nghiệm: Lên đến 58 test/giờ                                                   |     |   |
| - Số vị trí phản ứng (vòng cuvet): 32                                                                 |     |   |
| - Thể tích phản ứng: 150 –300 µl                                                                      |     |   |
| - Số vị trí hóa chất (3 vị trí khuấy x 15 ml, 12 vị trí x 5ml): 15                                    |     |   |
| - Số vị trí Mẫu/Mẫu khăn cấp: 22+3                                                                    |     |   |
| - Số vị trí kiểm chuẩn: 8                                                                             |     |   |
| - Trộn mẫu: Có                                                                                        |     |   |
| - Đọc mã vạch mẫu: Có                                                                                 |     |   |
| - Thẻ cuvet thông minh: Có                                                                            |     |   |
| - Giao diện LAN, USB, RS232, thẻ thông minh                                                           |     |   |
| <b>Yêu cầu khác</b>                                                                                   |     |   |
| Có tài liệu hướng dẫn và sử dụng (tiếng Anh và tiếng Việt)                                            |     |   |
| Có giấy chứng nhận CO;CQ; giấy nhập khẩu; giấy lưu hành và các giấy tờ khác liên quan kèm theo        |     |   |
| Có kỹ sư lắp đặt và hướng dẫn vận hành sử dụng thiết bị khi bàn giao và đưa vào sử dụng               |     |   |
| <b>3. Máy xét nghiệm Hba1c tự động</b>                                                                | Máy | 1 |
| <b>I. YÊU CẦU CHUNG</b>                                                                               |     |   |
| - Năm sản xuất: năm 2025 trở về sau,                                                                  |     |   |
| - Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc ISO 9001, CE hoặc -FDA hoặc tương đương                  |     |   |
| - Tình trạng: Mới 100%                                                                                |     |   |
| - Năm sản xuất: 2024 trở về sau                                                                       |     |   |
| - Phân loại: Loại B                                                                                   |     |   |
| - Xuất xứ thuộc nhóm nước, vùng lãnh thổ: EU + G7                                                     |     |   |
| - Điện áp: 100-240VA. Tần số: 50/60 Hz                                                                |     |   |
| - Điều kiện làm việc: Nhiệt độ 15-30°C, Độ ẩm: 30-85%                                                 |     |   |
| <b>II. CẤU HÌNH CUNG CẤP</b>                                                                          |     |   |
| Máy chính: 01 chiếc                                                                                   |     |   |
| Giấy in nhiệt: 01 cuộn                                                                                |     |   |
| Dây nguồn: 01 chiếc                                                                                   |     |   |

|                                                                                                           |  |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
| Cột sắc ký lỏng: 01 chiếc                                                                                 |  |  |
| Đầu đọc Barcode: 01 cái                                                                                   |  |  |
| Bộ hoá chất tặng kèm máy: 01 bộ                                                                           |  |  |
| Lưu điện 2kw: 01 bộ                                                                                       |  |  |
| Bộ giấy tờ kèm máy (CO, CQ, Giấy chứng nhận lưu hành tự do CFS ) và giấy tờ khác kèm theo                 |  |  |
| Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh, Việt: 01 bộ                                                                  |  |  |
| <b>III. THÔNG SỐ KỸ THUẬT</b>                                                                             |  |  |
| - Tự động hóa hoàn toàn                                                                                   |  |  |
| + Dung lượng Autoloader 20 ống                                                                            |  |  |
| + Tự động quét mã vạch                                                                                    |  |  |
| + Lấy mẫu ống sơ cấp có xỏ nắp                                                                            |  |  |
| - Hệ thống thông minh                                                                                     |  |  |
| + Hệ thống máy tính mạnh mẽ                                                                               |  |  |
| + Bắt đầu thử nghiệm chỉ với một nhấn chuột                                                               |  |  |
| + Cảnh báo mức thuốc thử                                                                                  |  |  |
| - Vận hành thuận tiện                                                                                     |  |  |
| + Màn hình cảm ứng LCD 10" cung cấp thông tin đầy đủ                                                      |  |  |
| + Tự động rửa để tự bảo trì khi khởi động                                                                 |  |  |
| + Dễ dàng thay thuốc thử                                                                                  |  |  |
| - Phương pháp: HPLC (Sắc ký lỏng hiệu năng cao)                                                           |  |  |
| - Chế độ: Chế độ nhanh, Chế độ biến thể (Tùy chọn)                                                        |  |  |
| - Thông số: HbA1c, HbF, HbA1a, HbA1B, HbA0, HbA2 (tùy chọn)                                               |  |  |
| - Tốc độ xét nghiệm: 90 giây mỗi lần xét nghiệm                                                           |  |  |
| - Bước sóng: 420nm                                                                                        |  |  |
| - Loại mẫu: Máu toàn phần, Máu pha loãng trước                                                            |  |  |
| - Công suất nạp tự động: 20 ống                                                                           |  |  |
| - Loại thuốc thử: Dung dịch rửa giải A, Dung dịch rửa giải B                                              |  |  |
| - Dung dịch rửa giải C, Ly giải máu, Cột sắc ký                                                           |  |  |
| - Độ chính xác: CV <2%                                                                                    |  |  |
| - Khả năng của cột sắc ký: 3000 xét nghiệm hoặc 6000 xét nghiệm (tùy chọn)                                |  |  |
| - Phạm vi báo cáo: 3-18%                                                                                  |  |  |
| - Điều kiện làm việc: Nhiệt độ 15-30°C, Độ ẩm: 30-85%                                                     |  |  |
| - Điện áp: 100-240VA                                                                                      |  |  |
| - Tần số: 50/60 Hz                                                                                        |  |  |
| - Kích thước: 378mm x 380mm x 510m                                                                        |  |  |
| <b>IV. YÊU CẦU KHÁC</b>                                                                                   |  |  |
| - Thiết bị được bàn giao, lắp đặt và hướng dẫn sử dụng thành thạo tại đơn vị sử dụng cuối cùng.           |  |  |
| - Cam kết cung cấp đầy đủ chứng chỉ chất lượng (CQ), xuất xứ (CO), tờ khai hải quan và các tài liệu khác. |  |  |
| - Bảo hành 12 tháng.                                                                                      |  |  |
| - Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ kiện thay thế trong thời gian ít nhất 8 năm sau bán hàng.         |  |  |